

Bản án số: **669/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 14 - 11 - 2022

Về việc: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **ĐHP**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **NTXP**

2. Bà **NTTT**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Ngô TBP**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **TTP** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số **523/2022/TLST-HNGĐ** ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: ***Tranh chấp ly hôn*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **136/2022/QĐXX-ST** ngày 07/11/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số **152/2022/QĐST-HPT** ngày 23/11/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị **ĐDL** - sinh năm 1982; HKTT: Số 35/33 ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; nơi ở: Số 35 ngõ 36 phố Lương Đình Cửa, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (*Có mặt*);

- **Bi đơn**: Anh **NTL** - sinh năm 1982; HKTT và nơi ở: Phòng 209, C7A, tập thể Quỳnh Mai, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là chị **ĐDL** trình bày: Chị và anh **NTL** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2013 tại UBND phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà của bố

mẹ đẻ chị. Anh chị chung sống bình thường đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Anh L không có trách nhiệm với cuộc sống gia đình. Do không có công việc ổn định, thu nhập bấp bênh, nên anh không có đóng góp vào kinh tế gia đình. Anh cũng không giúp đỡ chị trong việc nuôi dạy, chăm sóc con cái. Anh chị đã ly thân từ tháng 6/2022. Anh L đã chuyển về sống tại nhà của bố mẹ đẻ của anh ở C7A, phòng 209, tập thể Quỳnh Mai, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết xin ly hôn anh L.

- Về con: Anh chị có 01 con chung là NGB - sinh ngày 17/9/2014 (Nam). Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con do anh L đề xuất với số tiền là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng chẵn*)/tháng.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Bị đơn là anh NTL trình bày: Anh và chị ĐDL kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2013 tại UBND phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ chị L. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Anh chung thủy với vợ, nhưng chị L luôn nghi ngờ anh có mối quan hệ bất chính bên ngoài. Anh đã chuyển về sống tại nhà của bố mẹ đẻ anh từ tháng 6/2022. Anh chị đã ly thân từ thời gian này. Nay anh xác định tình cảm với vợ vẫn còn, và vì đức tin vào Chúa Jesus, nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con: Anh chị có 01 con chung là NGB - sinh ngày 17/9/2014 (Nam). Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị L số tiền là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng chẵn*)/tháng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh đồng ý chị L chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/9/2013 tại UBND phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vợ chồng L - L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân chủ yếu do hai bên không có sự đồng cảm, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Về con: anh chị có 01 con chung là NGB - sinh ngày 17/9/2014 (Nam), hiện đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Về điều kiện nuôi con: Chị L có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định, trong khi anh L không có tranh chấp gì về việc nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị L số tiền là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng chẵn*)/tháng. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh L của chị L. Về con: Giao con chung là NGB cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng chẵn*)/tháng. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét. Về án phí: Chị L là nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh NTL có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống, cư trú tại: Phòng 209, C7A, tập thể Quỳnh Mai, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Anh L đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 23/11/2022, anh L vắng mặt, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày 14/12/2022. Tại phiên tòa hôm nay, anh L vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh L thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2013 tại UBND phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2015, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách và lối sống quá khác biệt nên giữa hai bên thường nảy sinh bất đồng, vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Anh chị đã ly thân từ tháng 6/2022. Kể từ đó đến nay, chị L một mình chăm lo gia đình, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Tình trạng mâu thuẫn giữa chị L, anh L đã xảy ra từ nhiều năm, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Tháng 6/2022, anh chị ly thân, anh L một mình chuyển về nhà bố mẹ đẻ của anh. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh L, địa phương có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về con: Anh chị có 01 con chung là NGB - sinh ngày 17/9/2014 (Nam), hiện đang ở cùng chị L. Khi ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, bảo đảm quyền lợi của trẻ. Về tài sản chung, nhà ở chung của anh chị, chính quyền không nắm được.

Xét thấy: Chị L, anh L đã không sống chung từ tháng 6/2022 đến nay, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình là thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Các đương sự đã xác nhận tình trạng mâu thuẫn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, có đủ cơ sở cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, giải quyết cho chị L được ly hôn anh L.

Về con: Chị L và anh L có 01 con chung là NGB - sinh ngày 17/9/2014 (Nam). Chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị L số tiền là 3.000.000 (*Ba triệu đồng chẵn*)/tháng. Về nội dung này, nhận thấy: Tính đến thời điểm Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, cháu NGB đã trên 7 tuổi nên thuộc trường hợp phải lấy ý kiến về nguyện vọng của cháu. Qua xem xét ý kiến của cháu, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ đẻ. Xét thấy từ trước đến nay, cháu vẫn ở cùng chị L, do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L có công việc và chỗ ở ổn định, bảo đảm điều kiện nuôi con. Vì vậy, căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giao cháu B cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của đương sự và

bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của trẻ. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị L với số tiền là 3.000.000 (*Ba triệu đồng chẵn*)/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị ĐDL đối với anh NTL.

Chị ĐDL được ly hôn anh NTL.

Giấy chứng nhận kết hôn số **70/2013**, quyển số 01 ngày 18/9/2013 do UBND phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp cho chị ĐDL và anh NTL không còn giá trị pháp lý.

2. Về con: Chị L và anh L có 01 con chung là NGB - sinh ngày 17/9/2014 (Nam). Sau khi ly hôn, chị L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi cháu B thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị L số tiền là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng chẵn*)/tháng, kể từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị ĐDL phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số: AA/2020/0012770 ngày 27/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt chị L, vắng mặt anh L. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án/.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

DHP